

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 59/2017/HSST

Ngày 30/ 08/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Nguyên.

2. Bà Trịnh Thị Kim Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Thành; Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 08 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2017/HSST ngày 07 tháng 08 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2017/ HSST - QĐ ngày 18 tháng 08 năm 2017 đối với các bị cáo:

1- Đoàn Văn V, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: đội 9, xã Đ H, huyện K, tỉnh H Y.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 11/12.

Bố: Đoàn Văn H - Sinh năm 1957; Mẹ: Trần Thị L - Sinh năm 1960.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2017 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (có mặt).

2- Bùi Văn T₁, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: đội 7, Thôn P C, xã P T, huyện K, tỉnh H Y.

Nơi cư trú: thôn P K, xã Th V, huyện K, tỉnh H Y.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.

Nghề nghiệp: Lái xe; Văn hóa: 9/12.

Bố: Bùi Ngọc D - Sinh năm 1955; Mẹ: Nguyễn Thị Ch - Sinh năm 1955.

Vợ: Trần Thị H - Sinh năm 1984; Có hai con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 3 năm 2016 bị Tòa án huyện Kim Động xử 9 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2017 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (có mặt).

3- Nguyễn Duy H, sinh năm 1969.

Nơi ĐKKHKT: thôn Tr Ph, xã H V, huyện Ân Th, tỉnh H Y.

Nơi cư trú: thôn L X, xã H T M, huyện Ân Th, tỉnh H Y.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.

Nghề nghiệp: Lái xe; Văn hóa: 9/12.

Bố: Nguyễn Văn L - Sinh năm 1938; Mẹ: Nguyễn Thị V - Sinh năm 1938.

Vợ: Phạm Thị N - Sinh năm 1975; Có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 4/2009 bị Tòa án huyện Ân Thi xử phạt 5.000.000 đồng về tội Đánh bạc. Ngày 09/8/2016 Tòa án huyện Ân Thi ra Quyết định miễn thi hành án.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2017 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (có mặt).

4- Nguyễn Công T2, sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: thôn Q L, xã Ph Th, huyện K, tỉnh H Y.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.

Nghề nghiệp: Công nhân; Văn hóa: 7/12.

Bố: Nguyễn Công H - Sinh năm 1962; Mẹ: Nguyễn Thị H - Sinh năm 1966.

Vợ: Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1990; Có 04 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 12/2014 bị Công an thành phố Hưng Yên xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/05/2017 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (có mặt).

5- Đỗ Văn K, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: thôn Tr H, xã Ph Th, huyện K, tỉnh H Y.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12.

Bố: Đỗ Văn T - Sinh năm 1957; Mẹ: Phạm Thị U - Sinh năm 1959.

Vợ: Lê Thị Th - Sinh năm 1991; Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/05/2017 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (có mặt).

6- Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1984.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: thôn Ph C, xã Ph Th, huyện K, tỉnh H Y.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.

Nghề nghiệp: Lái xe; Văn hóa: 12/12.

Bố: Nguyễn Văn Q (Đã chết); Mẹ: Bùi Thị V - Sinh năm 1961.

Vợ: Hoàng Thị Th - Sinh năm 1990; Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 12/5/2017 đến ngày 21/5/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

7- Nguyễn Vũ L, sinh năm 1995.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: thôn L Ch, xã T L, huyện T, tỉnh H Y.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12.

Bố: Nguyễn Vũ Đ - Sinh năm 1963; Mẹ: Nguyễn Thị M - Sinh năm 1965.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 12/5/2017 đến ngày 21/5/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

8- Bùi Văn U', sinh năm 1980.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: thôn Đ L, xã Tr D, huyện T, tỉnh H Y.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.

Nghề nghiệp: Công nhân; Văn hóa: 5/12.

Bố: Bùi Văn L - Sinh năm 1958; Mẹ: Nguyễn Thị Nh - Sinh năm 1959.

Vợ: Phạm Thị H - Sinh năm 1983; Có 03 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 12/5/2017 đến ngày 21/5/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

9- Bùi Văn Ư', sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT: thôn Đ L, xã Tr D, huyện T, tỉnh H Y.
Nơi cư trú: thôn Đ X, xã C Ch, huyện T, tỉnh H Y.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 7/12.
Bố: Bùi Văn L - Sinh năm 1958; Mẹ: Nguyễn Thị Nh - Sinh năm 1959.
Vợ: Trần Thị G - Sinh năm 1981; Có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không
Bị tạm giữ từ ngày 12/5/2017 đến ngày 21/5/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

10- Đặng Ngọc T₃, sinh năm 1986.
Nơi ĐKKHKT và cư trú: thôn P Kh, xã Th V, huyện K, tỉnh H Y.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.
Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hóa: 12/12.
Bố: Đặng Văn Ph - Sinh năm 1956; Mẹ: Nguyễn Thị H - Sinh năm 1960.
Vợ: Đỗ Thị Ng - Sinh năm 1993; Có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.
Bị tạm giữ từ ngày 12/5/2017 đến ngày 21/5/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

11- Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1980.
Nơi ĐKKHKT và cư trú: đội 7, xã P Th, huyện K, tỉnh H Y.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.
Nghề nghiệp: Lái xe; Văn hóa: 5/12.
Bố: Nguyễn Văn H (Đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1961.
Vợ: Nguyễn Thị L - Sinh năm 1987; Có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.
Bị tạm giữ từ ngày 12/5/2017 đến ngày 21/5/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 12/5/2017 tại lán nghỉ công nhân của Công ty TNHH - TLT thuộc địa phận phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Đoàn

Văn V; Bùi Văn T1; Nguyễn Văn Ph; Nguyễn Văn Tr; Nguyễn Công T2; Đặng Ngọc T3 và Nguyễn Duy H là công nhân bốc vác và lái, phụ xe ô tô đang nghỉ trưa tại lán. Quan sát thấy tại góc lán đã có sẵn từ trước 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ và 04 quân bài hình tròn được cắt từ quân bài chắn nên mọi người rủ nhau đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền. Sau đó, Đoàn Văn V là người xóc cái cho mọi người tham gia đánh bạc. Hình thức đánh bạc: Người xóc cái cho 04 quân bài vào trong lòng chiếc đĩa, lấy bát úp lên mặt đĩa rồi xóc. Sau khi xóc xong và đặt bát đĩa xuống chiếu bạc thì những người chơi đặt tiền ở cửa chắn hoặc cửa lẻ. Khi mọi người đặt tiền xong thì người xóc cái mở bát ra, nếu có hai quân bài hoặc bốn quân bài cùng màu là chắn, nếu có ba quân bài cùng màu và một quân bài khác màu là lẻ. Số tiền đặt bên tay phải người xóc cái là cửa chắn, số tiền đặt bên tay trái người xóc cái là cửa lẻ. Nếu người xóc cái mở bát mà về chắn thì bên lẻ thua và ngược lại; Người xóc cái thu toàn bộ số tiền bên thua và trả tiền cho những người bên thắng tương ứng với số tiền mỗi người đó đặt, nếu thiếu thì người xóc cái phải bù, nếu thừa thì người xóc cái được thu về. Mỗi ván chơi diễn ra từ 03 đến 05 phút, số tiền đánh thấp nhất mỗi ván của người chơi là 50.000 đồng, số tiền lưu thông trên chiếu bạc trong mỗi ván khoảng 3.000.000 đồng. Trong khi 07 đối tượng trên đang đánh bạc thì Đỗ Văn K; Nguyễn Vũ L; Bùi Văn U và Bùi Văn Ú cũng đến và tham gia đánh bạc. Đến 12 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm:

Thu tại nơi đánh bạc: 01 chiếc bát sứ màu trắng, đáy bát có chữ Nohaco made in Việt Nam; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng phía đáy có chữ Hải Dương Việt Nam; 04 quân bài; 01 chiếc chiếu cói đã cũ, 01 chiếu nhựa màu vàng xanh; Số tiền 39.050.000đ (*Ba mươi chín triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*).

Thu giữ trên người các đối tượng đánh bạc số tiền 24.890.000 (*Hai mươi tư triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng*); 11 điện thoại di động các loại và 03 xe mô tô, trong đó: Thu giữ và quản lý của Đoàn Văn V 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia và 2.900.000 đồng; Bùi Văn T1 01 điện thoại Nokia 1280 và 170.000 đồng; Nguyễn Công T2 01 điện thoại vỏ màu vàng và 2.500.000 đồng; Đỗ Văn K 01 điện thoại Master; Nguyễn Văn Tr 01 điện thoại Iphone, 01 điện thoại Nokia, 01 xe máy BKS 89D1-13750 và 7.650.000 đồng; Bùi Văn Ú 01 điện thoại Nokia và 01 xe máy BKS 89B1 - 51430; Nguyễn Vũ L 01 điện thoại Iphone; Bùi Văn U 01 điện thoại Nokia và 630.000 đồng; Nguyễn Văn Ph 01 điện thoại Iphone, 01 xe máy BKS 89E1 - 21006 và 10.500.000 đồng; Đặng Ngọc T3 01 điện thoại Iphone và 540.000 đồng .

Kết quả điều tra đã xác định tổng số tiền 24.890.000 đồng đã thu giữ trên người các đối tượng đánh bạc đều đã và sẽ được sử dụng vào việc đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 63.940.000 đồng.

Nguyễn Duy H đã bỏ trốn, ngày 02/6/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên đã bắt được H theo quyết định truy nã.

Quá trình điều tra các bị cáo: Đoàn Văn V, Bùi Văn T1, Nguyễn Công T2, Đặng Ngọc T3, Nguyễn Vũ L, Bùi Văn U', Bùi Văn Ú', Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn Tr, Đỗ Văn K và Nguyễn Duy H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Cơ quan điều tra đã trao trả các tài sản không liên quan đến việc đánh bạc cho chủ sở hữu gồm: 11 chiếc điện thoại, 03 xe mô tô BKS 89D1 -13750; 89B1-51430 và 89E1-21006, xe thu của: Nguyễn Văn Tr, Bùi Văn Ú' và Nguyễn Văn Ph.

Bản cáo trạng số 63/QĐ-VKS-P2, ngày 04/08/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo Đoàn Văn V, Bùi Văn T1, Nguyễn Công T2, Đặng Ngọc T3, Nguyễn Vũ L, Bùi Văn U', Bùi Văn Ú', Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn Tr, Đỗ Văn K và Nguyễn Duy H về tội Đánh bạc theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố Đoàn Văn V, Bùi Văn T1, Nguyễn Công T2, Đặng Ngọc T3, Nguyễn Vũ L, Bùi Văn U', Bùi Văn Ú', Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn Tr, Đỗ Văn K và Nguyễn Duy H về tội Đánh bạc. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 30; Điều 33; khoản 1 Điều 50; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với T1, H; Xử phạt V; H; T1 và T2 từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù; phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 04 triệu đến 05 triệu đồng sung quỹ Nhà nước. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1; 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60; Điều 20, 30, 53 Bộ luật hình sự năm 1999 chung cho các bị cáo K; Tr; L; Ú'; U'; T3 và Ph; Áp dụng thêm khoản 4 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự đối với K; Xử phạt các bị cáo K; Tr; L; Ú'; U'; T3 và Ph từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trả tự do cho bị cáo Đỗ Văn K tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 3 đến 4 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu

số tiền 63.940.000đồng (Sáu mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi nghìn) sung quỹ nhà nước. Tịch thu 01 chiếc bát sứ màu trắng; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng; 04 quân bài; 01 chiếc chiếu cói đã cũ, 01 chiếu nhựa màu vàng xanh cho tiêu hủy.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đoàn Văn V, Bùi Văn T1, Nguyễn Công T2, Đặng Ngọc T3, Nguyễn Vũ L, Bùi Văn U, Bùi Văn Ú, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn Tr, Đỗ Văn K và Nguyễn Duy H nhất trí với ý kiến luận tội và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án:

Các bị cáo H; T2 đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo còn lại đều không đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hưng Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành phạm tội của các bị cáo:

Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với nhau, đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như: Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; vật chứng thu giữ gồm: bát sứ, đĩa sứ, quân bài và số tiền được thu giữ tại chiếu bạc 39.050.000đ, số tiền thu trên người của các bị cáo (V; T1; T2; Tr; U; Ph và T3) 24.890.000đ mà các bị cáo thừa nhận đã và sẽ sử dụng để đánh bạc. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 12 giờ ngày 12/05/2017 tại lán nghỉ trưa cho công nhân của Công ty TNHH - TLT Hưng Yên, tại phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên, Đoàn Văn V, Bùi Văn T1, Nguyễn Công T2, Đặng Ngọc T3, Nguyễn Vũ L, Bùi Văn U, Bùi Văn Ú, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn Tr, Đỗ Văn K và Nguyễn Duy H đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa. Tổng số tiền đã và sẽ sử dụng vào việc đánh bạc là 63.940.000đ,00. Đến 12 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên phát hiện bắt quả tang.

Các bị cáo Đoàn Văn V, Bùi Văn T1, Nguyễn Công T2, Đặng Ngọc T3, Nguyễn Vũ L, Bùi Văn U, Bùi Văn Ú, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn Tr, Đỗ Văn K và Nguyễn Duy H đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải nhận thức được hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 63.940.000đ,00, nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc. Số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc trên 50.000.000 đồng, nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố

các bị cáo về tội **“Đánh bạc”** theo điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì chơi cờ bạc sát phạt nhau làm mất thời gian, tiền bạc, ảnh hưởng đến cuộc sống, hạnh phúc của nhiều gia đình mà trước tiên là chính gia đình của từng bị cáo, mặt khác từ cờ bạc sát phạt nhau còn là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm, vi phạm pháp luật khác, gây mất trật tự trị an xã hội và bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân tại địa phương. Nên xét thấy cần phải xử các bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vị trí vai trò của từng bị cáo, nhằm cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

3.1 Bị cáo Đoàn Văn V là người giữ vai trò chính, bị cáo là người khởi xướng và là người xóc cái cho 10 đối tượng tham gia đánh bạc; Bị cáo cũng là một trong những người có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc lớn: 2.900.000đ00. Nên phải xử bị cáo mức án nghiêm, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn nhận tội, Ông nội bị cáo được nhà nước tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến, nên áp dụng điểm p khoản 1; 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

3.2 Bị cáo Bùi Văn T1; Nguyễn Duy H và Nguyễn Công T2 đều là người phạm tội tích cực. Về nhân thân, ngày 30/ 03/2016 T1 bị Tòa án nhân dân huyện Kim Động tỉnh Hưng Yên xử 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Ngày 13/ 04/ 2009 H bị Tòa án huyện Ân Thi tỉnh Hưng Yên phạt 5 triệu đồng về tội Đánh bạc. Ngày 11/ 12/ 2014 T2 bị Công an thành phố Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây thương tích cho người khác. Các bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy cần xử các bị cáo mức án nghiêm khắc, tiếp tục cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo. Nhưng quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn nhận tội, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo T1 và H có bố để được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến, nên áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

3.3 Các bị cáo Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Văn Ph đều là đồng phạm giữ vai trò tích cực trong vụ án. Các bị cáo tham gia chơi từ đầu đến khi bị lực lượng công an phát hiện bắt giữ, có số tiền đã và sẽ sử dụng vào việc đánh bạc lớn, Ph có 15.660.000đ, Tr có 9000.000đ. Lẽ ra phải xử mức án nghiêm khắc, nhưng xét quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999,

có nơi cư trú rõ ràng, đều có đơn xin cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương chứng nhận. Nên xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà xử cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội.

3.4 Các bị cáo Đặng Ngọc T3 ; Đỗ Văn K; Nguyễn Vũ L; Bùi Văn U' và Bùi Văn U' đều là đồng phạm trong vụ án, các bị cáo K; L; U' và U' đều tham gia đánh bạc giai đoạn sau và số tiền sử dụng vào việc đánh bạc không lớn. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn nhận tội, đều có đơn xin cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương chứng nhận; Bị cáo L có ông nội là người có công được tặng huân chương kháng chiến. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm p khoản 1; 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Nên không cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà xử cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người tốt. Do bị cáo Đỗ Văn K đang bị tạm giam nên áp dụng khoản 4 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự để trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về tội phạm khác.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều phạm tội vì động cơ vụ lợi, lẽ ra cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo, nhưng các bị cáo đều là nhân dân lao động, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn không áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền các bị cáo Đặng Ngọc T3, Nguyễn Vũ L, Bùi Văn U', Bùi Văn U', Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn Tr và Đỗ Văn K. Riêng Đoàn Văn V là người phạm tội tích cực, Bùi Văn T1, Nguyễn Duy H và Nguyễn Công T2 đều đã bị kết án về tội đánh bạc và có nhân thân xấu, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự.

[4].Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra quản lý các vật chứng gồm:

- Một chiếc bát sứ màu trắng; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng; 04 quân bài; 01 chiếc chiếu cói đã cũ, 01 chiếu nhựa màu vàng xanh. Là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng nên sẽ tịch thu cho hủy bỏ.

- Đối với số tiền 39.050.000đ00 thu tại chiếu bạc và số tiền 24.890.000đ00, thu giữ trên người các đối tượng đánh bạc, tổng số 63.940.000đ,00. Là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 11 điện thoại di động các loại và 03 xe mô tô, kết quả điều tra xác định không liên quan đến việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã trao trả các tài sản cho chủ sở hữu gồm: 11 chiếc điện thoại, 03 xe mô tô BKS 89D1-13750; 89B1-51430 và 89E1-21006, nên tòa không xét.

[5].Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 2; Điều 6 Luật phí, lệ phí; Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng khoản 1; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, để tính lãi suất khoản tiền phạt do chậm thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Đoàn Văn V, Bùi Văn T1, Nguyễn Công T2, Đặng Ngọc T3, Nguyễn Vũ L, Bùi Văn U, Bùi Văn Ú, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn Tr, Đỗ Văn K và Nguyễn Duy H đều phạm Tội **“Đánh bạc”**.

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng: Điểm b khoản 2; khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20, Điều 30, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 chung cho V, T1, H và T2. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, cho V; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho T1 và H.

- Phạt Đoàn Văn V 02 năm 03 tháng (hai năm ba tháng) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 12/05/2017.

Phạt Đoàn Văn V 5.000.000đ.00 (năm triệu), sung quỹ Nhà nước. Bị cáo phải nộp tiền phạt 01 lần.

- Phạt Bùi Văn T1 02 năm 03 tháng (hai năm ba tháng) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 12/05/2017.

Phạt Bùi Văn T1 5.000.000đ.00 (năm triệu), sung quỹ Nhà nước. Bị cáo phải nộp tiền phạt 01 lần.

- Phạt Nguyễn Duy H 02 năm 03 tháng (hai năm ba tháng) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 02/06/2017.

Phạt Nguyễn Duy H 5.000.000đ.00 (năm triệu), sung quỹ Nhà nước. Bị cáo phải nộp tiền phạt 01 lần.

- Phạt Nguyễn Công T2, 02 năm 03 tháng (hai năm ba tháng) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 12/05/2017.

Phạt Nguyễn Công T2, 5.000.000đ.00(năm triệu), sung quỹ Nhà nước. Bị cáo phải nộp tiền phạt 01 lần.

2.2 Áp dụng: Điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Phạt Nguyễn Văn Ph 02 năm 03 tháng (hai năm ba tháng) tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 (bốn năm sáu tháng) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/ 08 /2017.

- Phạt Nguyễn Văn Tr 02 năm 03 tháng (hai năm ba tháng) tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 (bốn năm sáu tháng) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/ 08 /2017.

Miễn phạt bổ sung Nguyễn Văn Ph và Nguyễn Văn Tr.

2.3 Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1; 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60; Điều 20, 53 Bộ luật hình sự năm 1999 chung cho các bị cáo; Áp

dụng thêm khoản 4 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự đối với Đỗ Văn K.

- Phạt Đặng Ngọc T3 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/8/2017.

- Phạt Nguyễn Vũ L 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/8/2017.

- Phạt Bùi Văn Ư 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/8/2017.

- Phạt Bùi Văn Ú 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/8/2017.

- Phạt Đỗ Văn K 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/8/2017.

Trả tự do cho bị cáo Đỗ Văn K tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

Miễn phạt bổ sung Đặng Ngọc T3, Nguyễn Vũ L; Bùi Văn Ư; Bùi Văn Ú và Đỗ Văn K.

Giao các bị cáo K, Tr và Ph cho Ủy ban nhân dân xã Ph Th, huyện K, tỉnh H Y giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã Th L, huyện T, tỉnh H Y giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Ư cho Ủy ban nhân dân xã Tr D, huyện T, tỉnh H Y giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Ú cho Ủy ban nhân dân xã C Ch, huyện T, tỉnh H Y giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo T3 cho Ủy ban nhân dân xã Th V, huyện K, tỉnh H Y giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn Tr, Đặng Ngọc T3, Nguyễn Vũ L, Đỗ Văn K, Bùi Văn Ư, và Bùi Văn Ú thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu các bị cáo V, T1, H và T2 không thi hành án về khoản phạt thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp, mức lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu số tiền 63.940.000đồng (Sáu mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi nghìn) sung quỹ nhà nước.

- Tịch thu một chiếc bát sứ màu trắng; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng; 04 quân bài; 01 chiếc chiếu cói đã cũ, 01 chiếu nhựa màu vàng xanh cho tiêu hủy.

(Chứng loại, số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo quyết định chuyển vật chứng số 19/QĐ-VKS-P2 ngày 04/08/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên).

4. Án phí: Các bị cáo Đoàn Văn V, Bùi Văn T1, Nguyễn Công T2, Đặng Ngọc T3, Nguyễn Vũ L, Bùi Văn Ư, Bùi Văn Ú, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn Tr, Đỗ Văn

K và Nguyễn Duy H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/8/2017.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT- CA tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan hồ sơ NVCS-CA tỉnh Hưng Yên;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoan